TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/DS-ST
Ngày 09 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Bình Hoà

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Mộng T, sinh năm 1974; CCCD: 074174 006xxx; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã D, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ tạm trú: Số F, Khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã D, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T1, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: Số D, Tổ C, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

Bà Sơn Thị Mộng T và bà Lê Thị Thu T1 có mối quan hệ họ hàng. Vì có mối quan hệ quen biết họ hàng nên ngày 20/6/2020, bà Lê Thị Thu T1 đã hỏi mượn tiền của bà T. Do tin tưởng nên bà T đồng ý, vì vậy ngày 20/6/2020 bà T đã cho bà Lê Thị Thu T1 mượn số tiền 25.000.000 đồng, việc mượn tiền có lập giấy mượn tiền

(giấy mượn nợ) viết tay do bà T1 tự viết, tự ký tên, theo giấy mượn nợ bà T1 không ghi ngày tháng năm mượn tiền nhưng có thoả thuận trong giấy mượn tiền là ngày 28/8/2020 bà T1 sẽ trả nợ cho bà T. Do giấy mượn tiền (giấy mượn nợ) bà T1 không ghi ngày tháng năm mượn tiền nên cuối tờ giấy mượn tiền (giấy mượn nợ) bà T đã tự ghi vào ngày 20/6/2020. Việc mượn tiền không thoả thuận lãi suất nhưng có thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 28/8/2020, do không thoả thuận lãi suất nên bà T1 cũng không trả lãi cho bà T đối với số tiền nêu trên. Theo giấy mượn nợ đối với số tiền 25.000.000 đồng bà T1 ghi "*Tôi tên Lê Thị Thu S CMND 280737108…*" Giấy mượn nợ này bà T1 ghi tên *Lê Thị T2* do bà T1 viết thiếu, cũng do sơ suất nên bà T không xem kỹ, nhưng người mượn tiền của bà T là bà Lê Thị Thu T1 và người ký tên cuối giấy mượn tiền là Lê Thị Thu T1. Khi mượn tiền bà T1 không giao cho bà T giấy tờ, tài sản nào của bà T1 hoặc của người khác. Đến thời hạn trả nợ bà T1 không trả mà cố tình trốn tránh và cứ hứa hẹn nhưng không trả nợ. Từ năm 2020 đến nay bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do hoàn cảnh, điều kiện đi lại khó khăn nên bà T không có điều kiện để khởi kiện bà T1 ngay. Nay do đã lâu mà bà T1 không chịu trả nợ nên bà T khởi kiện để yêu cầu bà T1 phải trả số tiền đã mượn. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu Toà án buộc bà Lê Thị Thu T1 phải trả số tiền cụ thể như sau:

- Buộc bà Lê Thị Thu T1 phải trả số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng đã mượn ngày 20/6/2020.

- Buộc bà Lê Thị Thu T1 phải trả khoản tiền lãi suất tính từ ngày 28/8/2020 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính đến ngày 13/01/2025 theo mức lãi suất là 02%/tháng, tương đương lãi suất là 26.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi tạm tính là 51.000.000 đồng.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bà Lê Thị Thu T1 phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng.

- Buộc bà Lê Thị Thu T1 phải trả cho bà T khoản tiền lãi suất tính từ ngày 28/8/2020 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng 0.83%/tháng.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Giấy mượn nợ.

2. Bị đơn bà Lê Thị Thu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 13 tháng 01 năm 2025, bà Sơn Thị Mộng T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thu T1 phải trả số tiền vay theo Giấy mượn tiền nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Sơn Thị Mộng T khởi kiện về việc tranh chấp chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Lê Thị Thu T1, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Lê Thị Thu T1 có địa chỉ cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (nay là Toà án nhân dân khu vực 15 -Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về số tiền các bên tranh chấp:

Tại Giấy mượn nợ ngày 20/6/2020 do bà Sơn Thị Mộng T cung cấp (BL 07), thể hiện nội dung: "*Tôi tên Lê Thị T2, số CMND 280737108, ngụ tại số nhà D, Tổ C, Khu phố C, phường P ...tôi có mượn 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) của Sơn Thị Mộng T, tới ngày 28/8/2020 tôi trả lại...*". Phía dưới giấy mượn nợ bà Lê Thị Thu T1 ký tên và ghi họ tên.

Mặc dù, tại phần nội dung giấy mượn nợ ngày 20/6/2020 (BL 07) ghi tên người mượn tiền là *Lê Thị T2*, tuy nhiên phía dưới giấy mượn nợ ký tên và ghi họ tên "*Lê Thị Thu T1"*. Như vậy, có căn cứ xác định người mượn số tiền 25.000.000 đồng của bà Sơn Thị Mộng T là bà Lê Thị Thu T1.

Tại thời điểm thực hiện giao dịch vay tiền các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung cho vay mượn tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Khi vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng đến hạn trả nợ bà T1 không trả khoản tiền vay như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T có đơn khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Thu T1 nhưng bà T1 không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến, phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Mộng T. Xem như bà T1 đã từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Sơn Thị Mộng T cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà T1 đã trả cho bà T toàn bộ số tiền đã vay 25.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 20/6/2020. Do đó, bà Sơn Thị Mộng T yêu cầu bà Lê Thị Thu T1 phải trả số tiền nợ là 25.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Về lãi suất: Tại Giấy mượn nợ ngày 20/6/2020 các bên không có thỏa thận lãi suất vay nhưng có thoả thuận thời hạn trả nợ, đến hạn trả nợ bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền vay cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Vì vậy, bà Sơn Thị Mộng T yêu cầu bà Lê Thị Thu T1 phải trả lãi suất tính từ ngày 28/8/2020 đến ngày Toà án đưa vụ án xét xử theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Cụ thể: Bà Lê Thị Thu T1 phải trả lãi suất tính từ ngày 28/8/2020 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày 09/9/2025 là 60 tháng 11 ngày theo mức lãi suất là 10%/năm, tương tương lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 60 tháng 11 ngày = 12.526.083 đồng.

Tổng cộng bà Lê Thị Thu T1 phải trả cho bà Sơn Thị Mộng T số tiền nợ là 37.526.083 đồng, trong đó nợ gốc: 25.000.000 đồng; nợ lãi: 12.526.083 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Mộng T đối với bị đơn bà Lê Thị Thu T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, căn cứ quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà Sơn Thị Mộng T phải chịu số tiền 4.128.000 đồng.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận, tương đương án phí 1.876.304 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 180, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Mộng T đối với bị đơn bà Lê Thị Thu T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Lê Thị Thu T1 có trách nhiệm trả cho bà Sơn Thị Mộng T số tiền nợ là 37.526.083 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); nợ lãi: 12.526.083 đồng (mười hai triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Sơn Thị Mộng T phải chịu số tiền 4.128.000 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Bà T đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Thu T1 phải chịu số tiền 1.876.304 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

- Hoàn trả cho bà Sơn Thị Mộng T số tiền 1.275.000 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0003779, ngày 20/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
-VKSND Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.